

Số: 170/BC-SKHCN

Quảng Trị, ngày 14 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động quản lý nhà nước
về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2019 đến ngày 14 tháng 12 năm 2020)

Thực hiện Công văn số 5630/UBND-KHCN ngày 7/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ năm 2020, Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị báo cáo như:

Phần I
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật về khoa học và công nghệ

Năm 2020, UBND tỉnh Quảng Trị đã tham mưu Tỉnh ủy ban hành cũng như đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh. Nhiều chủ trương, chính sách, nghị quyết về lĩnh vực KH&CN được ban hành và triển khai thực hiện, phục vụ có hiệu quả hoạt động quản lý KH&CN trên địa bàn tỉnh, góp phần khẳng định đóng góp của KH&CN vào sự phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của tỉnh. Cụ thể: Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/08/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 về việc phân bổ kinh phí hoạt động KH&CN năm 2020; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 01/06/2020 về tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 12/05/2020 về việc bãi bỏ Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa về kiểm tra chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu vào Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo; Quyết định số 511/QĐ-UBND ngày 26/2/2020 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị; Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 15/04/2020 phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

nghe; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 15/05/2020 về việc bổ sung Kế hoạch chuyển đổi áp dụng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 thay thế tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 đang áp dụng tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (lần 1) năm 2020; Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị...

II. Hoạt động khoa học và công nghệ

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Trên tinh thần tái cơ cấu các nhiệm vụ KH&CN gắn với thực hiện *Đề án Tái cơ cấu ngành Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế* đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã được áp dụng các cơ chế mới trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Tỉnh đã đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN, trong đó đã ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới phục vụ phát triển một số sản phẩm chủ lực của tỉnh. Các nhiệm vụ KH&CN đã chú trọng xác định các nội dung gắn liền với sản phẩm cụ thể, có địa chỉ ứng dụng cụ thể, kể cả trong lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn; nhiều sản phẩm KH&CN đã được thương mại hóa. Thông qua đó đã góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nâng cao đời sống, phát triển sản xuất, phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Phụ lục: (Biểu số 01.01/KHCNDP-NCKH).

2. Hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ

- Tình hình, kết quả thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển kinh tế - xã hội và thẩm định công nghệ dự án đầu tư: Năm 2020, tỉnh không thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển kinh tế - xã hội; không tổ chức thẩm định công nghệ dự án đầu tư mà chủ yếu là Sở Khoa học và Công nghệ tham gia ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư để có chủ trương đầu tư.

Phụ lục: (Biểu số 01.02/KHCNDP-TĐ).

- Tình hình, kết quả thẩm định kết quả nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước: Năm 2020, tỉnh không thẩm định kết quả nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước do các đơn vị không có nhu cầu thẩm định.

Phụ lục: (Biểu số 01.03/KHCNDP-TĐNV).

- Tình hình, kết quả chuyển giao công nghệ: Năm 2020 trên địa bàn tỉnh không có hoạt động chuyển giao công nghệ.

III. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ

- Tình hình, kết quả cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN: Năm 2020, tỉnh không có tổ chức nào đăng ký cấp giấy chứng nhận tổ chức KH&CN.

Phụ lục: (Biểu số 01.04/KHCNĐP-TCKHCN).

- Tình hình, kết quả cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN: Năm 2020, tỉnh không có tổ chức nào đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.

Phụ lục: (Biểu số 01.05/KHCNĐP-DNKHCN).

2. Phát triển nhân lực khoa học và công nghệ

Tỉnh đã thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ, trong đó có cán bộ KH&CN, nhất là các chuyên gia giỏi. Thực hiện tốt một số chính sách hỗ trợ trí thức KH&CN được đào tạo, tự đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tôn vinh và khen thưởng kịp thời các đơn vị, trí thức KH&CN có những đóng góp đáng kể cho sự nghiệp phát triển KH&CN, kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phụ lục: (Biểu số 01.06/KHCNĐP-NLKHCN).

3. Phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

- Tình hình, kết quả phát triển hạ tầng KH&CN:

Năm 2020, tỉnh tiếp tục đầu tư hệ thống máy móc, trang thiết bị đo lường thử nghiệm, hệ thống phòng thí nghiệm, thử nghiệm... nhằm phục vụ tốt yêu cầu quản lý nhà nước về KH&CN và đem lại những đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành cho các phòng thí nghiệm công nghệ sinh học thuộc các trung tâm, trạm, trại đảm bảo đủ năng lực nghiên cứu và làm chủ được các công nghệ tiên tiến, triển khai ứng dụng các thành tựu công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống. Các hệ thống nhà lưới, nhà màng và nhiều máy móc thiết bị hiện đại khác trong lĩnh vực công nghệ sinh học cũng đã được đầu tư nâng cấp. Đặc biệt, để xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa, tỉnh đã từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống nhà xưởng hiện đại phục vụ sản xuất như: hệ thống nhà kính với đầy đủ các trang thiết bị; hệ thống tưới tự động, nhỏ giọt; hệ thống cảm biến tự động; hệ thống làm mát, giữ nhiệt; hệ thống Camera theo dõi; hệ thống điều hành, vận hành từ xa qua Internet...

- Tình hình triển khai cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập:

Các tổ chức KH&CN công lập được thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ, chuyển dần hoạt động của các đơn vị sang cơ chế thị trường, giảm bớt sự bao cấp của nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và các đơn vị sự nghiệp công lập nói riêng. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2019-2021 cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ

(Quyết định số 2641/QĐ-UBND ngày 01/10/2019). Theo đó, UBND tỉnh giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2019-2021 cho các đơn vị sự nghiệp (tổ chức KH&CN công lập) thuộc Sở Khoa học và Công nghệ gồm Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN là các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Phụ lục: (Biểu số 01.07/KHCNĐP-CCTC).

4. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Hoạt động phát triển thị trường công nghệ được chú trọng. Công tác khảo sát, đánh giá hiện trạng, năng lực công nghệ và nhu cầu đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, lộ trình đổi mới công nghệ để định hướng nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp được chỉ đạo thực hiện thường xuyên trong năm. Tỉnh đã tham gia các sự kiện thúc đẩy thị trường công nghệ, xúc tiến quảng bá kết quả nghiên cứu, ý tưởng có khả năng ứng dụng, thương mại hóa cho doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư. Năm 2020, đã tham gia sự kiện Kết nối cung - cầu công nghệ tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Phụ lục: (Biểu số 01.08/KHCNĐP-PTTT).

5. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ phát triển nguồn lực thông tin KH&CN được thực hiện có hiệu quả. Các cơ sở dữ liệu được tích hợp lên Cổng thông tin điện tử KH&CN của tỉnh đã hỗ trợ tối đa cho công tác tra cứu thông tin về KH&CN, bao gồm: cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu KH&CN; cơ sở dữ liệu Hỏi đáp khoa học và kỹ thuật; cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn; cơ sở dữ liệu thông tin KH&CN phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện đúng quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN theo Thông tư 10/2017/TT-BKHCN ngày 28/6/2017 của Bộ KH&CN. Công tác thông tin KH&CN kết hợp chặt chẽ với bộ phận nghiên cứu triển khai tiến bộ KH&CN góp phần phổ biến nhiều hơn, rộng hơn những sự kiện, thành tựu, tiến bộ KH&CN, đặc biệt là các chương trình, đề tài, dự án KH&CN đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

Phụ lục: (Biểu số 01.09/KHCNĐP-TTKHCN).

6. Kinh phí khoa học và công nghệ

Tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí KH&CN: Năm 2019, kinh phí đầu tư cho KH&CN được tỉnh phê duyệt là: 32.179 triệu đồng (Năm 2020: Kinh phí sự nghiệp khoa học: 20.070 triệu đồng, Kinh phí đầu tư phát triển: 12.109 triệu đồng). Kinh phí năm 2020 dành cho KH&CN được giải ngân đúng tiến độ và đạt chất lượng.

Phụ lục: (Biểu số 01.10/KHCNĐP-KP).

7. Hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ địa phương

Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh cho vay có hiệu quả đối với các doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư kỹ thuật, dây chuyền công nghệ mới

đầu tư vào sản xuất, góp phần hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Năm 2020, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã tiến hành cho vay đối với 02 doanh nghiệp (Công ty TNHH DAVICS, Công ty TNHH Nhiên Thảo) với tổng kinh phí 1.500 triệu đồng.

Phụ lục: (Biểu số 01.11/KHCNĐP-QUY).

IV. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng

1. Về tiêu chuẩn

Tình hình, kết quả xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Năm 2020, tỉnh không ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Phụ lục: (Biểu số 01.12/KHCNĐP-QCKT).

2. Về đo lường

Tình hình, kết quả thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường: *(Biểu số 01.13/KHCNĐP-ĐL).*

3. Về đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Tình hình, kết quả hoạt động tiếp nhận công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy: *(Biểu số 01.14/KHCNĐP-HCHQ).*

- Tình hình chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp: *(Biểu số 01.15/KHCNĐP-DGSPH).*

- Tình hình, kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý: *(Biểu số 01.16/KHCNĐP-CL).*

4. Về xét tặng giải thưởng chất lượng

Tình hình quản lý xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh, thành phố *(Biểu số 01.17/KHCNĐP-GTCL).*

V. Hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Tình hình, kết quả quản lý về sở hữu trí tuệ

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu đạt kết quả nổi bật, góp phần nâng cao chất lượng, danh tiếng của các sản phẩm nổi tiếng, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh, các sản phẩm nằm trong *chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Trị năm 2019-2020*. Thực hiện dự án *Quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm nước mắm Mỹ Thủy*; hướng dẫn cho 07 tổ chức/cá nhân lập thủ tục đăng ký nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ; gửi văn bản cho Cục Sở hữu trí tuệ cho phép sử dụng tên địa danh để xác lập nhãn hiệu tập thể. Triển khai đề tài *“Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể Rượu men lá Ba Nang, nhãn hiệu chứng nhận Nước mắm Cửa Việt”*, tiến hành hỗ trợ quản lý và phát triển nhãn hiệu thông qua việc xây dựng hệ thống, công cụ quản lý nhãn hiệu; triển khai thí điểm mô hình quản lý, khai thác nhãn hiệu; hỗ trợ xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa...góp phần nâng cao năng suất, chất

lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ. Đề tài “*Xác lập quyền chỉ dẫn địa lý “Chè vàng Quảng Trị” cho các sản phẩm chè vàng của tỉnh Quảng Trị*” hướng đến mục tiêu xây dựng Chỉ dẫn địa lý “Chè vàng Quảng Trị” nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng, tạo dựng uy tín cho sản phẩm chè vàng của tỉnh Quảng Trị trên thị trường, góp phần ổn định và nâng cao đời sống của người sản xuất một số sản phẩm chè vàng tại tỉnh Quảng Trị.

Phụ lục: (Biểu số 01.18/KHCNĐP-SHTT).

2. Tình hình, kết quả triển khai các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến

Tỉnh đã phát động Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Trị lần thứ IX (2020 - 2021). Đến nay đã ban hành Quyết định về việc phân công nhiệm vụ thành viên Ban Tổ chức hội thi và thể lệ hội thi.) Đối tượng dự thi là các tập thể, cá nhân là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt thành phần, dân tộc, nghề nghiệp; có các công trình, đề tài, giải pháp khoa học kỹ thuật là kết quả của hoạt động sáng tạo, sáng kiến, cải tiến và ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động kinh tế - xã hội được tạo ra và áp dụng tại tỉnh Quảng Trị từ năm 2015 trở lại đây. Các giải pháp dự thi đăng ký theo 6 lĩnh vực: Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông; Cơ khí tự động hoá, xây dựng, giao thông vận tải; Vật liệu, hóa chất, năng lượng; Nông ngư nghiệp, tài nguyên và môi trường; Y dược; Giáo dục và đào tạo. UBND tỉnh đã giao Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Quảng Trị là cơ quan Thường trực hội thi. Lễ Tổng kết và trao giải hội thi tổ chức vào tháng 11-12 năm 2021.

VI. Hoạt động phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

1. Tình hình, kết quả phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử

Năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 35 cơ sở có ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực y tế, sử dụng 70 thiết bị X-quang trong chẩn đoán bệnh ; 03 cơ sở ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực công nghiệp, sử dụng 04 nguồn bức xạ và 09 thiết bị bức xạ.

Phụ lục: (Biểu số 01.19/KHCNĐP-NLNT).

2. Tình hình, kết quả quản lý về an toàn bức xạ và hạt nhân

Công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ được duy trì, nguồn phóng xạ tại cơ sở được kiểm soát theo quy định. Năm 2020 đã cấp 12 Giấy phép cho 12 đơn vị sử dụng thiết bị x-quang trong y học. Phối hợp với Trung tâm Thông tin và Đào tạo – Cục An toàn bức xạ và hạt nhân. Tổ chức Lớp tập huấn đào tạo về An toàn bức xạ và hạt nhân và cấp chứng nhận đào tạo cho 47 nhân viên bức xạ trong y tế và trong công nghiệp.

Phụ lục: (Biểu số 01.20/KHCNĐP-ATBX).

VII. Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực KH&CN

1. Tóm tắt chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được phê duyệt

Sở Khoa học và Công nghệ đã phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2020 và điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra cho phù hợp với diễn biến thực tế của tỉnh (Quyết định số 353/QĐ- SKHCN ngày 17/12/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2020 và Quyết định số 129/QĐ-SKHCN ngày 27/4/2020 về việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2020).

Căn cứ kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành trong tỉnh, các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện 02 cuộc thanh tra, trong đó 01 cuộc thanh tra đột xuất về sở hữu trí tuệ (Quyết định số 360/QĐ-SKHCN ngày 26/12/2019 về việc Thanh tra giải quyết khiếu nại về sở hữu công nghiệp) tại Công ty trách nhiệm hữu hạn XiKa - Thôn Long Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị và 01 cuộc thanh tra chuyên ngành (Quyết định số 162/QĐ-SKHCN ngày 05/6/2020 về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch) tại Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị, địa chỉ: Số 02 Nguyễn Trãi, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị và các đơn vị trực thuộc.

Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra góp phần tuyên truyền, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, người dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, phát hiện và xử lý kịp thời hành vi vi phạm, góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Các cuộc thanh tra được triển khai đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, phối hợp với các ngành để không chồng chéo trong hoạt động thanh, kiểm tra.

2. Tình hình, kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực KH&CN:

Phụ lục: (Biểu số 01.21/KHCNĐP-TTRA).

VIII. Hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN của tỉnh bị gián đoạn.

IX. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

Năm 2020, ngành KH&CN tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh. Toàn ngành đã thực hiện tái cơ cấu trên các lĩnh vực, đổi mới toàn diện và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển KH&CN phục vụ có hiệu quả người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Công tác triển khai kế hoạch thực hiện *Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCM 4.0* được tập

trung thực hiện có hiệu quả. Các nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ của cuộc CMCN 4.0 được triển khai thực hiện mang lại kết quả tích cực. Công tác tham mưu triển khai thực hiện *Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025* đã thiết thực hỗ trợ nhiều doanh nghiệp bứt phá vươn lên tiếp cận thành tựu KH&CN tiên tiến; đổi mới công nghệ, thiết bị nâng cao chất lượng, giá trị, gia tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN đã tiến hành có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới phục vụ phát triển một số sản phẩm chủ lực, tiềm năng của tỉnh. Ứng dụng công nghệ cao trong chế biến sâu các sản phẩm đặc sản tỉnh Quảng Trị đem lại kết quả nổi bật, nhiều sản phẩm KH&CN đã được thương mại hóa. Công tác xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống của tỉnh có những bước tiến vượt bậc. Công tác quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm của tỉnh sau khi được bảo hộ được chú trọng. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển các dịch vụ thử nghiệm, kiểm định... tạo niềm tin cho người tiêu dùng đối với chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp nâng cao chất lượng, tạo thuận lợi để thương mại hóa sản phẩm. Công tác kiểm tra, phối hợp kiểm tra, thanh tra về đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa góp phần quan trọng đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng trong đo lường, chất lượng, góp phần vào việc ngăn chặn hàng giả, hàng kém chất lượng và không rõ nguồn gốc xuất xứ.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Năm 2020, ngành KH&CN tỉnh Quảng Trị đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực. Tuy nhiên so với yêu cầu thực tế cũng như đòi hỏi cấp bách của của quá trình CNH-HĐH, KH&CN của tỉnh nhìn chung phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Tiềm lực và hoạt động KH&CN của tỉnh đã được tăng cường một bước nhưng một số lĩnh vực còn yếu chưa ngang tầm với nhiệm vụ được giao. Đầu tư KH&CN, đặc biệt là đầu tư cho công tác nghiên cứu, ứng dụng các kỹ thuật tiến bộ mới còn nhiều hạn chế.

Mặt khác, năm 2020, do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp; trên địa bàn tỉnh thiên tai, bão lụt lịch sử đã gây thiệt hại nặng nề, tác động tiêu cực đến toàn bộ hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân trên địa bàn. Trong bối cảnh đó, hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh cũng chịu một số ảnh hưởng tiêu cực. Nhiều mô hình, dự án ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh chịu nhiều thiệt hại. Cơ sở vật chất của một số trung tâm, trạm thực nghiệm KH&CN bị hư hỏng. Hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN do ảnh hưởng của dịch Covid-19 cũng bị gián đoạn.

Nhiệm vụ đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp của tỉnh chuyển biến chậm. Công tác thành lập doanh nghiệp KH&CN và Quỹ Phát triển KH&CN tuy đã được quyết liệt chỉ đạo triển khai nhưng gặp nhiều khó khăn.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2021

I. Nhiệm vụ công tác năm 2021

Năm 2021, toàn ngành KH&CN tỉnh sẽ tập trung thực hiện có hiệu quả *Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/08/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4*; tiếp tục thực hiện *Đề án tái cơ cấu ngành KH&CN* mạnh mẽ hơn nữa để KH&CN trở thành đòn bẩy của công cuộc tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Đẩy mạnh các hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực KH&CN phục vụ có hiệu quả kinh tế - xã hội tỉnh. Các nhiệm vụ, giải pháp tập trung chỉ đạo, điều hành như sau:

1. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển các lĩnh vực KH&CN theo hướng gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, địa phương. Xây dựng định hướng phát triển KH&CN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030 và quy hoạch ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh đến năm 2030. Xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả những chính sách mang tính đột phá để khuyến khích và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp, dịch vụ công; nhất là hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh và dịch vụ công; tập trung nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Tập trung thực hiện Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/08/2019 về Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025. Triển khai thực hiện Dự án “*Phát triển cơ sở vật chất-kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*” với mục tiêu hình thành khu dịch vụ tập trung hỗ trợ dịch vụ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp trong giai đoạn đầu phát triển tiếp cận với nguồn nhận lực, không gia làm việc, thiết bị dùng chung, kết nối đầu tư trong và ngoài nước.

3. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ KH&CN theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng. Đi sâu nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH&CN để phát triển “6 cây, 2 con” chủ lực theo hướng bền vững thông qua xây dựng thương hiệu, ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất, nhằm tạo ra sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm và có giá trị kinh tế cao. Tập trung phát triển

sản phẩm có khả năng hoàn thiện nâng cấp, đặc biệt là các sản phẩm có khả năng phát triển thành sản phẩm chủ lực trong Chương trình OCOP của tỉnh.

4. Thông qua các Chương trình KH&CN cấp quốc gia, cấp Bộ và các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, tập trung triển khai nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ KH&CN để nâng cao hàm lượng KH&CN cao, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, có năng suất và giá trị gia tăng cao; đảm bảo nguyên tắc các đề tài/dự án KH&CN hàng năm thực hiện theo hướng tập trung, chất lượng và có tính ứng dụng cao.

5. Phát triển thị trường công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh. Tăng cường đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ, tư vấn, hỗ trợ đưa KH&CN ứng dụng vào sản xuất trên địa bàn tỉnh. Công tác khảo sát, đánh giá hiện trạng, năng lực công nghệ và nhu cầu đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, lộ trình đổi mới công nghệ để định hướng nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp. Kết nối có hiệu quả các sản giao dịch công nghệ quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng với Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN của tỉnh.

6. Đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ (xác lập, quản lý, khai thác và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản, thế mạnh của tỉnh), tiêu chuẩn đo lường chất lượng phục vụ có hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

7. Tăng cường quan hệ hợp tác về KH&CN với các cơ quan KH&CN trung ương, các trường đại học, các viện nghiên cứu nhằm tranh thủ nguồn lực KH&CN phục vụ phát triển KH&CN, kinh tế - xã hội của tỉnh. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về KH&CN với các nước Lào, Thái Lan, Nhật Bản...

8. Xây dựng tiềm lực KH&CN đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng các khu công nghệ, kỹ thuật cao theo mô hình thích hợp với Quảng Trị để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa. Tập trung huy động nguồn lực, thu hút đầu tư để đưa vào hoạt động có hiệu quả *Trạm nghiên cứu, ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Hướng Hóa*. Thu hút nguồn cán bộ khoa học từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; đặc biệt là cán bộ KH&CN có trình độ chuyên môn cao, nhà khoa học đầu ngành.

9. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển KH&CN. Tăng cường nhận thức của cán bộ và người dân về KH&CN nhằm đưa việc ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trở thành nhu cầu tự thân và phổ biến trong sản xuất và đời sống xã hội, trên tất cả các lĩnh vực.

10. Ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả *Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025*.

II. Giải pháp, kiến nghị, đề xuất

1. Giải pháp thực hiện

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN:

Đổi mới công tác lập kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động H&CN phù hợp với đặc thù của lĩnh vực KH&CN theo quy định hiện hành. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm KH&CN cuối cùng theo kết quả đầu ra. Xây dựng cơ chế đặc thù trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước. Việc xác định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước dành cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được thông qua Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh.

- Đổi mới cơ chế hoạt động của các tổ chức KH&CN:

Hoàn thành việc chuyển các tổ chức KH&CN công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Giao quyền tự chủ cho các tổ chức KH&CN trong việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Thực hiện việc đánh giá độc lập kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; tiến tới việc áp dụng chính sách đầu tư cho tổ chức KH&CN dựa vào hiệu quả hoạt động và kết quả đầu ra.

- Đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng và trọng dụng cán bộ KH&CN.

Quy hoạch phát triển nhân lực KH&CN phải gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển KH&CN. Đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng nhân lực KH&CN; tăng cường đội ngũ cán bộ KH&CN có trình độ chuyên môn. Đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ KH&CN.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN:

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương và tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức quản lý nhà nước về KH&CN phù hợp với đặc thù của tỉnh. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn. Đẩy mạnh phân cấp nhiệm vụ KH&CN giữa cấp tỉnh với cấp huyện nhằm chuyển một phần các nhiệm vụ chuyên ngành hẹp về cơ sở, hướng mạnh về hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là các nhiệm vụ đổi mới công nghệ, xây dựng và phát triển thương hiệu.

- Tăng cường tiềm lực KH&CN, tập trung đầu tư trọng điểm, có chất lượng và hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm về chất lượng sản phẩm, hàng

hóa, môi trường; các phòng kiểm định, hiệu chuẩn đo lường; các phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học phục vụ có hiệu quả phát triển KH&CN, quản lý nhà nước về KH&CN và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

- Tăng cường liên kết “4 nhà” để tạo tiền đề nhân rộng các tiến bộ KH&CN, làm đòn bẩy cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các cấp, các ngành thể hiện vai trò quan trọng thông qua các chính sách khuyến khích và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, xúc tiến thương mại; tuyên truyền giáo dục pháp luật, chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản. Tăng cường hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác của nông dân, giúp các đơn vị này nâng cao năng lực quản lý và tiêu thụ sản phẩm, để các tổ chức này thực sự là cầu nối giữa doanh nghiệp và hộ nông dân. Tăng cường phổ biến các tiến bộ khoa học trong lĩnh vực trồng, chế biến nông sản để hỗ trợ cho nông dân về sản xuất nông nghiệp sạch và bền vững; tăng cường công tác xúc tiến thương mại giúp cho nông dân và doanh nghiệp tìm kiếm thị trường.

2. Kiến nghị, đề xuất

1. So với trình độ phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước cũng như trong khu vực, nền kinh tế và mức sống của người dân ở Quảng Trị nhìn chung còn thấp, sự phát triển kinh tế - xã hội chưa thật vững chắc, tính ổn định và bền vững trong tăng trưởng và phát triển còn chưa cao; tiềm lực KH&CN của tỉnh còn nhiều hạn chế. Đề nghị Bộ KH&CN hàng năm ưu tiên tăng mức đầu tư của Trung ương cho Quảng Trị về kinh phí sự nghiệp khoa học và kinh phí đầu tư phát triển. Đặc biệt, tăng cường nguồn kinh phí đầu tư phát triển cho tỉnh để đầu tư tiềm lực cho các trung tâm thuộc Sở nhằm nâng cao năng lực, phát huy hiệu quả hoạt động của các trung tâm cũng như tạo điều kiện cho các Trung tâm tiếp cận với các nguồn vốn hỗ trợ từ các Quỹ đổi mới công nghệ, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ...

2. Thời gian qua, tỉnh Quảng Trị đã triển khai nhiều hoạt động để khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khởi nghiệp trên cơ sở các tài sản trí tuệ, các sáng chế, các sản phẩm nghiên cứu khoa học của mình góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và mở ra cơ hội phát triển các dự án kinh doanh của doanh nghiệp cũng như thanh niên, sinh viên Quảng Trị. Ngày 14/08/2019, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3690/KH-UBND về Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025.

Đề nghị Bộ KH&CN hỗ trợ tỉnh thực hiện Dự án “*Phát triển cơ sở vật chất-kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*” với mục tiêu hình thành khu dịch vụ tập trung hỗ trợ dịch vụ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp trong giai đoạn đầu phát triển tiếp cận với nguồn nhân lực, không gia làm việc, thiết bị dùng chung, kết nối đầu tư trong và ngoài nước. Dự án thuộc Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 (Đề án

844). Đề nghị giao trực tiếp cho Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Thông tin KH&CN thuộc Sở Khoa học và Công nghệ để triển khai thực hiện dự án này.

3. Xuất phát từ nhu cầu thực tế của tỉnh Quảng Trị là rất cần hoạt động kết nối, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, huấn luyện (trực tiếp hoặc trực tuyến)... với các Trung tâm dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Quốc gia, thành phố Đà Nẵng hoặc các Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khác, tỉnh Quảng Trị đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tạo điều kiện để địa phương có thể kết nối, liên kết hợp tác với các đơn vị nêu trên.

4. Với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thuận lợi cộng với tiềm năng thiên nhiên phong phú, huyện Hướng Hoá là một trong những địa phương có vị thế đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Trị, đặc biệt là các sản phẩm từ cây công nghiệp, nông nghiệp đa dạng, phong phú có giá trị kinh tế cao và các loại cây dược liệu quý hiếm. Từ năm 2016, Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai xây dựng *Trạm nghiên cứu, ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Hướng Hóa*. Dự án nhằm nghiên cứu, khảo nghiệm các đối tượng cây trồng, con nuôi mới, đặc biệt các loại dược liệu quý và một số loại hoa có giá trị kinh tế cao phù hợp với đặc điểm của tiểu vùng khí hậu mang tính đặc thù, quý hiếm; hướng tới hình thành vùng nguyên liệu, sản xuất, chế biến để nâng cao hiệu quả trên một đơn vị diện tích, nâng cao thu nhập cho người dân.

Đề nghị Bộ KH&CN ưu tiên cho tỉnh triển khai các đề tài, dự án KH&CN để hình thành vùng cây ăn quả tại vùng Bắc Hướng Hóa nhằm phát huy sự lan tỏa từ *Trạm Nghiên cứu, ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bắc Hướng Hóa* để giúp tỉnh triển khai thực hiện các mô hình ứng dụng tiên bộ KH&CN dựa trên những kết quả đạt được của những công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ đã được công bố và thực hiện ở nhiều địa phương trong cả nước có đặc điểm về điều kiện tự nhiên và khí hậu tương tự. Qua đó nhằm góp phần nâng cao đời sống nhân dân, cải thiện tình trạng sản xuất du canh du cư, tự cung tự cấp còn góp phần ổn định kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng dọc tuyến biên giới./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Lân

1. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học	Không có		
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; các loại giống mới; các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới	Không có		
III	Doanh nghiệp KH&CN được thành lập	Không có		
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			
1.1	Thủy sản (con tôm)	Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị.	Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển các chủng vi sinh vật trong sản xuất chế phẩm Probiotic bổ sung thức ăn nuôi trồng thủy sản; Sản xuất thử nghiệm chế phẩm Probiotic và xây dựng quy trình sản xuất. Lập hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm và đăng ký vào danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam của Tổng Cục thủy sản – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.	
1.2	Cây chè vằng	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị	Xây dựng Chỉ dẫn địa lý “Chè vằng Quảng Trị” nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng, tạo dựng uy tín cho sản phẩm chè vằng của tỉnh Quảng Trị trên thị trường, góp phần ổn định và nâng cao đời sống của người sản xuất một số sản phẩm chè vằng tại tỉnh Quảng Trị.	
1.3	Cây lâm nghiệp (keo lai)	Trung tâm	Ứng dụng công nghệ nhân giống vô tính (invitro) sản	

		<p> nghiên cứu, ứng dụng và thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị.</p>	<p> xuất thành công các dòng keo lai mới BV 33, BV73, BV75 phục vụ phát triển rừng nguyên liệu, rừng đạt chứng chỉ FSC cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao.</p>	
1.4	Cây cà phê chè	<p> Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Trị.</p>	<p> Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học để xây dựng, tuyển chọn được các giống cà phê chè có năng suất và chất lượng cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, canh tác tại huyện Hướng Hóa. Đánh giá tình hình sản xuất, đất đai và những hạn chế trong sản xuất cà phê chè tại địa bàn huyện Hướng Hóa; Xây dựng 02 mô hình thí nghiệm 05 giống cà phê chè (TN6, TN7, TN9, THA1 và Catimor) theo hướng bền vững ứng dụng giống mới và các biện pháp kỹ thuật canh tác mới phù hợp; Chọn được 1-2 giống cà phê chè có năng suất, chất lượng và phù hợp với các vùng sinh thái trồng cà phê chè tại huyện Hướng Hóa để khuyến cáo người dân áp dụng vào sản xuất; Hoàn thiện quy trình tái canh chuẩn cho cây cà phê chè mới trên địa bàn để khuyến cáo người dân áp dụng khi tái canh, trồng mới.</p>	
1.5	Con bò	<p> Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị</p>	<p> Tiếp nhận và chuyển giao thành công 7 quy trình chăn nuôi bò cho cán bộ kỹ thuật và người dân; trồng cỏ cao sản ở vùng cát ven biển làm thức ăn cho bò có chất lượng tốt; sử dụng chế phẩm sinh học chế biến rom rạ, ủ chua thức ăn thô xanh làm thức ăn cho bò; đào tạo được đội ngũ cán bộ cơ sở nắm được vững quy trình chăn nuôi bò; tập huấn cho người dân kỹ thuật về chăn nuôi. 48 hộ tham gia với 144 bò cái lai, trong đó đã phối giống 92 con, bê lai ra đời 47 con; hơn 3,6 ha cỏ trồng năng suất đạt 160 -200 tấn/ha; lượng rom rạ được xử lý đạt trên 100 tấn; thức ăn xanh được ủ chua 200 m³. 100% chuồng trại được nâng cấp, sửa chữa hoặc xây mới. Đã tiếp nhận và ứng dụng đầy đủ, đảm bảo các quy trình công nghệ. Bò</p>	

			sinh trưởng và phát triển tốt, bê lai có ngoại hình đẹp, khối lượng sơ sinh cao. 100% người dân tham gia dự án thay đổi phương thức chăn nuôi.	
1.6	cây sâm Bồ Chính	Phòng Nông nghiệp huyện Triệu Phong	Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây sâm Bồ Chính 1.000m ² được áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và đầu tư hệ thống tưới phun sương. Kết quả phân tích chất lượng mẫu củ sâm Bồ chính các chỉ tiêu phân tích đạt so với yêu cầu hàng hóa dược liệu. Mô hình đạt chất lượng, năng suất cao: 7- 9 tấn tươi/ha.	
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			
2.1	Ứng dụng công nghệ năng lượng mặt trời và hệ thống náo đảo tự động nhằm nâng cao hiệu quả cho sản xuất nước mắm truyền thống	Hộ sản xuất nước mắm Phụ The Cửa Việt, Gio Linh	Hoàn thiện mặt bằng bố trí hệ thống sản xuất nước mắm bằng năng lượng mặt trời và hệ thống náo đảo tự động. Lắp đặt 01 hệ thống bể Composite sử dụng năng lượng mặt trời và hệ thống náo đảo tự động sản xuất nước mắm. Lắp đặt 01 hệ thống bể bê tông sử dụng năng lượng mặt trời và hệ thống náo đảo tự động sản xuất nước mắm. Sản xuất thử nghiệm nước mắm từ các hệ thống (bể Composite và bể bê tông) sử dụng năng lượng mặt trời và hệ thống náo đảo tự động.	
2.2	Mô hình chế biến cà phê theo phương pháp ướt sử dụng chế phẩm enzyme	Doanh nghiệp tư nhân Đình Tàu	Mua mới các thiết bị như bể ủ, thiết bị rửa hạt cà phê; tiền mua enzyme, thiết bị phun enzyme,... Công nghệ này mới được áp dụng và kết quả cho thấy giảm lượng nước sử dụng từ 10-15%, giảm thời gian chế biến 4giờ/mẻ, cà phê sạch nhớt, hạt bị nứt ít, mẫu mã đẹp hạt có màu sắc sáng, 2 giữ nguyên hương vị, làm giảm 10% giá thành sản xuất, nên đã tăng lợi nhuận từ 5-8%, góp phần nâng cao giá trị hạt cà phê, thúc đẩy sản xuất tái canh.	
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			

3.1	Tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, mua sắm cho Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Thông tin KH&CN	Sở KH&CN	Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tổng mức kinh phí: 200 triệu đồng (Nguồn: SNKH).	
3.2	Tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Sở KH&CN	Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tổng mức kinh phí: 95 triệu đồng (Nguồn: SNKH).	
3.3	Cung cấp, lắp đặt thiết bị phục vụ nghiên cứu Khoa học	Sở KH&CN	Đang thực hiện Tổng mức kinh phí: 265 triệu đồng (Nguồn: SNKH).	
3.4	Xây lắp công trình nhà lưới thử nghiệm cây dược liệu công nghệ cao	Sở KH&CN	Đang thực hiện Tổng mức kinh phí: 690,164 triệu đồng (Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới).	
3.5	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc Sở KH&CN	Sở KH&CN	Đang thực hiện Tổng mức kinh phí: 529,150 triệu đồng (Nguồn: SNKH)	

2. Kết quả hoạt động KH&CN nổi bật tại địa phương

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ	Hiệu quả kinh tế-xã hội	Ghi chú
1	Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình thâm canh, phát triển cây cam sạch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh Quảng Trị	Tạo vùng sản xuất Cam sạch theo hướng hữu cơ tại Vùng gò đồi huyện Hải Lăng; Hoàn thiện được Quy trình canh tác giống Cam sạch phục vụ nhân rộng mô hình trên địa bàn huyện Hải Lăng nói riêng và trên địa bàn tỉnh Quảng trị nói chung; Giúp người dân thay đổi phương thức canh tác, trồng cây ăn quả theo hướng hữu cơ, làm tăng giá trị sản phẩm cây ăn quả trên địa bàn tỉnh	
2	Ứng dụng công nghệ sản xuất và sử dụng chế phẩm probiotic bổ sung thức ăn nuôi trồng thủy sản phù	Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và	Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất thành công chế phẩm sinh học bổ sung thức ăn đảm bảo chất	

	hợp tại tỉnh Quảng Trị.	thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị	lượng trong nuôi tôm; Tạo ra sản phẩm bổ sung thức ăn trong nuôi tôm đủ điều kiện lưu thông trên thị trường, đảm bảo chất lượng với giá thành hợp lý đã giúp người nuôi tôm trên địa bàn có nguồn cung ứng ổn định.	
3	Nghiên cứu quy trình sản xuất và thương mại hóa sản phẩm Trà thảo dược hòa tan Giảo Cổ Lam từ nguồn nguyên liệu tự nhiên trên đảo Cồn Cỏ	Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị	Sử dụng công nghệ tiên tiến, chiết xuất chân không, trong quá trình sản xuất làm nâng cao giá trị sản phẩm dược liệu. Nâng cao được chất lượng và giá trị sản phẩm so với các sản phẩm sản xuất thủ công trên thị trường. Sản phẩm khi có đầu ra ổn định sẽ khuyến khích được người dân tạo ra các vùng dược liệu để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho sản phẩm, từ đó có thể đem lại hiệu quả về mặt kinh tế cho người nông dân. Tạo ra được một sản phẩm mới đặc trưng cho địa phương với chất lượng và giá trị thương mại cao.	
4	Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nuôi cá chình lồng tại Quảng Trị	Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị	Đã chuyển giao cho các hộ hệ thống lồng nuôi cá chình bằng nhựa HDPE, 150 con giống cá chình hoa với trọng lượng trung bình 150g/con, máy chế biến thức ăn, thức ăn và chế phẩm sinh học bổ sung, tổ chức tập huấn về thiết kế lồng nuôi và kỹ thuật nuôi cá cho các hộ dân; hiện tại, tỷ lệ sống của cá đạt 99% so với trên 80% theo cách nuôi truyền thống; dự kiến cá sẽ đạt trọng lượng 1.5kg/con trong 18 tháng, rút ngắn 6 tháng so với cách nuôi trước đây.	
5	Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Đề tài đã xác định 6 phẩm chất nổi trội, đặc trưng của con người Quảng Trị. Cùng với những phẩm chất tốt đẹp, đề tài cũng nêu một số biểu hiện còn hạn chế đằng sau 6 phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục và từng bước bồi đắp, hình thành những phẩm chất mới của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển.	

Biểu số 01.02/KHCNDP-TĐ

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CƠ SỞ KHOA HỌC
VÀ THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ**

Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2019 đến ngày 14 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:
Sở KH&CN Quảng Trị
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Kết quả thẩm định cơ sở khoa học Chương trình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH)

STT	Tên chương trình phát triển KT-XH	Thẩm quyền quyết định phê duyệt chương trình phát triển KT-XH	Cơ quan đề nghị thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển KT-XH	Nguồn vốn và giá trị thực hiện chương trình phát triển KT-XH	Ghi chú
1	Không có				
2	...				

2. Kết quả thẩm định công nghệ dự án đầu tư

2.1. Đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư:

STT	Tên dự án; tên, địa chỉ nhà đầu tư; địa điểm thực hiện dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tên, xuất xứ công nghệ chính của dự án	Quy mô, công suất, sản phẩm của dự án	Dự án có nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ, đã qua sử dụng	Dự án có công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích/hạn chế chuyển giao	Dự án bị từ chối	Ghi chú	
I	Dự án do cơ quan chuyên môn về KH&CN (Sở KH&CN) chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ								
1	Dự án Nhà máy sản xuất nội thất Phong Hải;								Có ý kiến
2	dự án Nhà máy sản xuất sơn nước Việt Nhật;								Có ý kiến

3	dự án khu nuôi trồng thủy sản công nghệ cao;								Có ý kiến
4	dự án trung tâm dịch vụ hậu cần cảng và logistic Khu Kinh tế Đông Nam;								Có ý kiến
5	dự án Hệ thống cấp nước tập trung tại huyện đảo Côn Cỏ;								Có ý kiến
6	dự án đầu tư Nhà máy sản xuất tinh dầu – hóa phẩm Moonway;								Có ý kiến
7	dự án Tổng kho và nhà máy cát thạch anh cao cấp Hải Ba;								Có ý kiến
8	Dự án Nhà máy chế biến gỗ từ gỗ rừng thông;								Có ý kiến
9	dự án sản xuất Tinh dầu và Hóa phẩm Moonway;								Có ý kiến
10	dự án đầu tư nâng cấp dây chuyền công nghệ của NM phân tuyến tỉnh quặng Titan;								Có ý kiến
11	dự án đầu tư Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông Hiền Minh Hồ;								Có ý kiến

12	dự án đầu tư Trung tâm Kho vận và phi thuế quan Đông Nam Quảng Trị;								Có ý kiến
13	dự án đầu tư Trang trại chăn nuôi lợn sạch công nghệ cao – Triệu Sơn;								Có ý kiến
14	dự án đầu tư Trang trại chăn nuôi gà công nghệ cao;								Có ý kiến
15	dự án Đầu tư Tổ hợp Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn/thương phẩm;								Có ý kiến
16	dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Gio Linh;								Có ý kiến
17	dự án Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Cồn Cỏ (giai đoạn 2);								Có ý kiến
18	dự án Nhà máy gia công cơ khí - nội - ngoại thất Amacons Quảng Trị;								Có ý kiến
19	dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ cao Hướng								Có ý kiến

	Linh tại xã Hướng Linh huyện Hướng Hóa;								
20	dự án Khu nuôi trồng thủy sản công nghệ cao tại xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong;								Có ý kiến
21	Cơ sở xử lý chất thải và sản xuất phân hữu cơ Đông Hà;								Có ý kiến
22	dự án Nhà máy điện gió TNC Quảng Trị 1 và Quảng Trị 2;								Có ý kiến
23	dự án Nuôi tôm và cá chẻm công nghệ cao kết hợp nhà máy chế biến tôm cá xuất khẩu của Công ty Cổ phần Camimex Quảng Trị								Có ý kiến
24	dự án đầu tư Trung tâm Kho vận và phí thuế quan Đông Nam Quảng Trị								Có ý kiến
25	dự án đầu tư nhà máy san chiết nạp khí hóa lỏng tại KCN Nam Đông								Có ý kiến

	Hà								
26	Dự án đầu tư Cơ sở XLCT và sản xuất phân hữu cơ								Có ý kiến
27	dự án Nuôi tôm và cá chẻm công nghệ cao và nhà máy chế biến								Có ý kiến
28	dự án Đầu tư Nhà máy sản xuất vật liệu composite								Có ý kiến
29	dự án đầu tư Nhà máy sản xuất nước uống và bao bì								Có ý kiến
30	công trình Nhà máy nước Tân Lương								Có ý kiến
31	dự án đầu tư Nhà máy sản xuất cáp điện Phạm Gia tại KCN Nam Đông Hà								Có ý kiến
32	dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ cao Hướng Linh - lần 2								Có ý kiến
33	dự án Nhà máy sản xuất Thép hợp kim Minh Phát tại xã Hải Quế, huyện Hải Lăng thuộc Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị								Có ý kiến

II	Dự án do cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở hoặc cơ quan tương đương Sở quản lý ngành, lĩnh vực) chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ							
1	Không có							

2.2. Đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công: Không có

STT	Tên dự án; tên chủ đầu tư; địa điểm thực hiện dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư dự án	Tên, xuất xứ công nghệ chính của dự án	Quy mô, công suất, sản phẩm của dự án	Dự án có nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ, đã qua sử dụng	Dự án có công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích/hạn chế chuyển giao	Dự án bị từ chối	Ghi chú
I	Dự án nhóm A							
1	Không có							
II	Dự án nhóm B							
1	Không có							
III	Dự án nhóm C							
1	Không có							

Biểu số 01.03/KHCNDP-TĐNV

**THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2018 đến ngày 15 tháng 12 năm 2019)

Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Về thẩm định các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Thông tin về tổ chức/ cá nhân đề nghị thẩm định	Thời gian thực hiện nhiệm vụ	Địa điểm thực hiện nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	
					Cấp Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ	Không cấp Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ
1	Không có					
2	...					

2. Về đánh giá và thẩm định các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Thông tin về tổ chức/ cá nhân đề nghị đánh giá	Thời gian thực hiện nhiệm vụ	Địa điểm thực hiện nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	
					Cấp Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định	Không cấp Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định
1	Không có					
2	...					

Biểu số 01.04/KHCNDP-TCKHCN

**KẾT QUẢ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên tổ chức KH&CN	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp	Cơ quan quản lý trực tiếp	Hình thức		
					Cấp mới	Thay đổi, bổ sung	Hủy bỏ hiệu lực/ Giải thể
1	Không có						
Tổng số					0		

Biểu số 01.05/KHCNĐP-DNKHCN

**TÌNH HÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH
CỦA DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tình hình cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

Số lượng hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN đã tiếp nhận và xử lý (từ ngày 14/12/ 2019 đến ngày 15/12/2020)¹:

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ, điện thoại liên hệ	Thời gian thành lập và hoạt động	Người đại diện doanh nghiệp	Ngày nộp hồ sơ	Kết quả KH&CN đề nghị công nhận doanh nghiệp KH&CN			Tình trạng xử lý hồ sơ (<i>đã cấp/không cấp/đang thẩm định</i>) ²
						Tên kết quả KH&CN	Nguồn gốc kinh phí	Tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	
	Không có								

¹ Ngày theo kỳ báo cáo.

² Nếu không cấp đề nghị ghi rõ lý do.

2. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

Đơn vị tính: triệu đồng³

ST T	Tên doanh nghiệp (ghi rõ nguồn gốc hình thành doanh nghiệp) ⁴	Tình trạng (đang hoạt động/ngừng hoạt động/giải thể/phá sản/đã thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN)	Tình trạng sở hữu ⁵	Tổng kinh phí đầu tư cho KH&CN của năm ⁶	Danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN	Tổng doanh thu (triệu đồng)	Doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN (triệu đồng)	Tổng lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế của sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN (triệu đồng)	Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (triệu đồng)	Tiền thuê đất được miễn, giảm (triệu đồng)	Vay vốn tín dụng ưu đãi ⁷ (triệu đồng)	Trích lập quỹ phát triển KH&CN (triệu đồng)	Thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (triệu đồng) ⁸	Các ưu đãi, hỗ trợ khác (mà doanh nghiệp được hưởng)	Tổng số lao động (người)
1	Công ty TNHH DAVIS (thành lập năm 2018)	Đang hoạt động	DN không có vốn nhà nước	1.381,167	Máy chạm gỗ CNC 4 mũi; Máy gia công, điều khắc gỗ CNC 2 mũi; Lan	1.078,758	1.078,758	5,399	5,399	0	0	0	0	0	0	17

³ Sử dụng dấu chấm để phân chia hàng nghìn, dấu phẩy để chia số thập phân.

⁴ Ghi rõ: - Doanh nghiệp mới thành lập (dưới 5 năm);
- Doanh nghiệp chuyển đổi từ tổ chức KH&CN công lập;
- Hoặc doanh nghiệp chuyển đổi từ doanh nghiệp đang hoạt động.

⁵ Ghi rõ: Doanh nghiệp có vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp không có vốn nhà nước.

⁶ Tổng kinh phí đầu tư cho KH&CN của năm: bao gồm kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, đổi mới, ứng dụng công nghệ.

⁷ Vay vốn tín dụng ưu đãi: nêu số vốn được vay từ Ngân hàng phát triển Việt Nam và các quỹ phát triển KH&CN của nhà nước.

⁸ Đối với việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đề tài, dự án, dự án sản xuất thử nghiệm) sử dụng ngân sách nhà nước: nêu mức kinh phí được ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ.

					can mạ kẽm, bulong, vít M20; Gia công ván khuôn														
--	--	--	--	--	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Biểu số 01.06/KHCNĐP-NLKHCN

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN
NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tình hình, kết quả thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)
I	Tuyên dụng đặc cách	01	
II	Bố trí, sử dụng cán bộ KH&CN		
1	Giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN	6	
2	Bố trí, quy hoạch vị trí lãnh đạo trong tổ chức	40	
III	Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho hoạt động KH&CN của đội ngũ cán bộ KH&CN		
1	Hỗ trợ kinh phí bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động KH&CN theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; công bố kết quả hoạt động KH&CN		
2	Đầu tư đổi mới phương tiện, trang thiết bị, vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm của tổ chức KH&CN		
3	Hỗ trợ cá nhân hoạt động KH&CN tham gia hội thảo khoa học trong nước, quốc tế tham gia các chương trình, dự án đầu tư, hợp tác KH&CN		
IV	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN		
1	Về nâng lương vượt bậc	10	
2	Về đặc cách bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác	0	
3	Về kéo dài thời gian công tác khi đến tuổi nghỉ chế độ	0	
4	Về nhà khoa học đầu ngành	0	

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)
5	Về nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	0	
6	Về nhà khoa học trẻ tài năng	0	
7	Về kết quả thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ KH&CN	02	
7.1	Nâng cao trình độ chuyên môn	15	
7.2	Kỹ năng quản lý KH&CN	0	
7.3	Đào tạo theo nhóm nghiên cứu	0	

2. Tình hình, kết quả đào tạo nhân lực KH&CN

STT	Nội dung	Số lượng (người)		Kinh phí (triệu đồng)
		Đào tạo trong nước	Đào tạo nước ngoài	
1	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia KH&CN	0	0	
2	Đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm nghiên cứu	0	0	
3	Bồi dưỡng sau tiến sỹ	0	0	
4	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý KH&CN	10	0	
5	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN	23	23	
6	Bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng khác (<i>đề nghị thống kê nội dung cụ thể</i>)	0	0	

Biểu số 01.07/KHCNĐP-CCTC

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CƠ CHẾ TỰ CHỦ
CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP**

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I	Số tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý		
1	Số tổ chức chưa phê duyệt phương án tự chủ		
2	Số tổ chức đã phê duyệt phương án tự chủ	02	Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Thông tin KH&CN; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường

			Chất lượng
2.1	Số tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		
2.2	Số tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên		
2.3	Số tổ chức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	02	
2.4	Số tổ chức do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		
3	Số tổ chức được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp	01	Trạm Nghiên cứu và phát triển Năm
II	Số tổ chức đã chuyển thành công ty cổ phần	0	

Biểu số 01.08/KHCNDP-PTTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Số lượng tổ chức trung gian của thị trường KH&CN

STT	Tên tổ chức trung gian	Số lượng
1	Sàn giao dịch công nghệ	0
2	Trung tâm giao dịch công nghệ	0
3	Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ	0
4	Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ	0
5	Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo	0
6	Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	0
	Tổng số	0

2. Kết quả tổ chức sự kiện KH&CN

STT	Sự kiện KH&CN	Số lượng người tham gia	Số lượng Hợp đồng chuyển giao công nghệ	Giá trị Hợp đồng chuyển giao công nghệ (triệu đồng)
1	Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart)	0	0	
2	Sự kiện kết nối cung cầu (Techdemo)	0	0	
3	Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest)	0	0	
4	Các sự kiện KH&CN khác...	0	0	

1. Thông tin về nhiệm vụ KH&CN

Tổng số nhiệm vụ KH&CN	Số nhiệm vụ đang tiến hành	Số nhiệm vụ được nghiệm thu và đăng ký kết quả	Số nhiệm vụ đã đưa vào ứng dụng
51	34	4	4

2. Công tác phát triển nguồn tin KH&CN

STT	Loại nguồn tin KH&CN	Mua bằng NSNN		Trao đổi/Biểu tặng		Tự xuất bản	
		Dạng giấy	Dạng điện tử	Dạng giấy	Dạng điện tử	Dạng giấy	Dạng điện tử
1	Sách (số tên)						
2	Báo/Bản tin (số lượng)	Báo: 24 số	Báo: 24 số Bản tin: 12 số				
3	Tạp chí/ấn phẩm liên tục (số lượng)	Đặc san: 04 số (400 cuốn)	Đặc san: 04 số		700 cuốn	4 số Đặc san KH&CN đăng trên Cổng TTĐT	1.200 cuốn
4	Cơ sở dữ liệu (số CSDL)						
5	Loại khác (ghi cụ thể loại tài liệu, số lượng)						

3. Cơ sở dữ liệu KH&CN trong nước và quốc tế

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Loại cơ sở dữ liệu (thư mục, tóm tắt, toàn văn)	Tổng số biểu ghi	Cho phép khai thác online (Có/Không)
1	CSDL Nhiệm vụ KH&CN	Tóm tắt		Có
2	CSDL Thông kê KH&CN	Tóm tắt		Có
3	CSDL Tiêu chuẩn	Tóm tắt		
4	CSDL Quy chuẩn	Tóm tắt		
5	CSDL Hỏi đáp KH&CN	Tóm tắt		

6	CSDL An toàn bức xạ	Tóm tắt		Có
7	CSDL Thông tin KH&CN	Tóm tắt		Có

Biểu số 01.10/KHCNĐP-KP

**TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ
SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí TW giao	Kinh phí do UBND cấp tỉnh phê duyệt	Kinh phí thực hiện
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	20.070	20.070	20.070
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN trung ương ủy quyền địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)		0	0
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện		5.800	5.800
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, Chi các đơn vị sự nghiệp		5.850	5.850
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước		3.490	3.490
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện		450	450
6	Chi nâng cao năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp		3.660	3.660
7	Chi khác (hỗ trợ hoạt động cho Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh; triển khai Nghị quyết 31/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh)		820	820
II	Kinh phí đầu tư phát triển		12.109	12.109
1	Dự án 1: Trạm Nghiên cứu KH&CN Bắc Hướng Hóa		7.500	7.500
2	Dự án 2: Dự án đầu tư thiết bị đo lường thử nghiệm tiêu chuẩn đo lường chất lượng		4.609	4.609
	Tổng số (I + II)		32.179	32.179

Biểu số 01.11/KHCNĐP-QUY

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ
CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỊA PHƯƠNG**

*Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)*

Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí thực hiện
1	Hoạt động tài trợ	0
2	Hoạt động nâng cao năng lực	0
3	Bảo lãnh vốn vay	0
4	Cho vay	1.500
5	Các hoạt động khác (cấp phát kinh phí; hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025	1.129
	Tổng số	2.629

Biểu số 01.12/KHCNĐP-QCKT

**TÌNH HÌNH BAN HÀNH
QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG**

*Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)*

Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Tên quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Ký hiệu quy chuẩn địa phương
1	0	0	0	0	0

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA NHÀ NƯỚC
VỀ ĐO LƯỜNG
Kỳ báo cáo: Năm 2020
(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:
 Sở KH&CN Quảng Trị
Đơn vị nhận báo cáo:
 Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Đối tượng thanh tra, kiểm tra	Kết quả	Số lượng	Ghi chú
1	Phương tiện đo (PTĐ)	Số đợt thanh tra, kiểm tra	04	Kiểm tra
		Số lượng cơ sở được thanh tra, kiểm tra	2.550	
		Số lượng PTĐ được thanh tra, kiểm tra	2.550	
		Số PTĐ vi phạm	291	
2	Phép đo	Số đợt thanh tra, kiểm tra	0	Không kiểm tra
		Số lượng cơ sở được thanh tra, kiểm tra	0	
		Số lượng phép đo được thanh tra, kiểm tra	0	
		Số cơ sở vi phạm	0	
3	Lượng của hàng đóng gói sẵn	Số đợt thanh tra, kiểm tra	01	Kiểm tra
		Số lượng cơ sở được thanh tra, kiểm tra	12	
		Số hàng đóng gói sẵn được thanh tra, kiểm tra	52	
		Số cơ sở vi phạm	8	
4	Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Số đợt thanh tra, kiểm tra	0	Không kiểm tra
		Số tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được thanh tra, kiểm tra	0	
		Số cơ sở vi phạm	0	

**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN
HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY**

Kỳ báo cáo: Năm 2020
(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:
Sở KH&CN Quảng Trị
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số tiếp nhận	Tên tổ chức, cá nhân công bố	Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường	Tiêu chuẩn/ quy chuẩn	Loại hình đánh giá		Ghi chú
					Bên thứ nhất	Bên thứ ba (tự đánh giá)	
1	78/TB-TĐC	Cty CP Xi măng Sông Gianh	Xi măng	TCVN 6260: 2009		Trung tâm Chứng nhận phù hợp - Quacert	<u>Cty Cp Xi măng Sông Gianh\HS02</u>
2	79/TB-TĐC	Cty CP Xi măng Sông Gianh	Xi măng	TCVN 6260: 2009		Trung tâm Chứng nhận phù hợp - Quacert	<u>Cty Cp Xi măng Sông Gianh\HS01</u>
3	141/TB-TĐC	Cty CP Thiên Tân	Gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999		Công ty CP Chứng nhận và Giám định TTP	<u>Thien Tan</u>
4	142/TB-TĐC	Cty CP Thiên Tân	Gạch Terazo	TCVN 7744: 2013		Công ty CP Chứng nhận và Giám định TTP	
5	143/TB-TĐC	Cty CP Thiên Tân	Gạch Terazo	TCVN 7744: 2013		Công ty CP Chứng nhận và Giám định TTP	
6	144/TB-TĐC	Cty CP Thiên Tân	Ngói xi măng cát	TCVN 1453: 1986		Công ty CP Chứng nhận và Giám định TTP	
7	145/TB-TĐC	Cty CP Thiên Tân	Ngói xi măng	TCVN		Công ty CP	

			cát	1453: 1986		<i>Chứng nhận và Giám định TTP</i>	
8	146/TB-TĐC	Cty CP Thiên Tân	Ngói xi măng cát	TCVN 1453: 1986		<i>Công ty CP Chứng nhận và Giám định TTP</i>	
9	147/TB-TĐC	Cty CP Thiên Tân	Ngói xi măng cát	TCVN 1453: 1986		<i>Công ty CP Chứng nhận và Giám định TTP</i>	
10	60/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
11	61/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
12	70/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
13	71/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
14	73/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
15	74/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x		
16	75/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x		
17	76/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
18	77/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
19	78/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
20	79/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
21	96/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	

22	97/TB-TĐC	Cty CP Xi măng Sông Gianh	Xi măng	TCVN 6260: 2009		x	
23	98/TB-TĐC	Cty CP Xi măng Sông Gianh	Xi măng	TCVN 6260: 2009		x	
24	101/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x		
25	102/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
26	112/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x		
27	121/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
28	122/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
29	169/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		x	
CÔNG BỐ HỢP QUY							
1	169/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Lam Tai Phat\HS01</u>
2	14/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Đình Hung\HS01</u>
3	16/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Máy làm mát không khí	QCVN 4: 2009/BKHCN	x		<u>Lam Tai Phat\HS02</u>
4	31/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Đình Hung\HS02</u>
5	32/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Nhu Mai\HS01</u>
6	36/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Lâm Tài	Quạt điện	QCVN 4:		<i>TT Kỹ thuật</i>	<u>Lam Tai</u>

		Phát		2009/BKHCN		<i>TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Phat\HS03</u>
7	64/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Lâm Tài Phát	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Lam Tai Phat\HS04</u>
8	68/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Nhu Mai\HS02</u>
9	69/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Đình Hung\HS03</u>
10	70/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Đình Hung\HS04</u>
11	72/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Như Mai	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN	x		<u>Nhu Mai\HS03</u>
12	75/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Đình Hung\HS05</u>
13	77/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Đình Hung\HS06</u>
14	83/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Đình Hung\HS07</u>
15	84/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Quạt điện	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Đình Hung\HS08</u>
16	109/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện, ấm đun nước	QCVN 4: 2009/BKHCN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Đình Hung\HS09</u>
17	117/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Lâm Tài	Nồi cơm điện,	QCVN 4:		<i>TT Kỹ thuật</i>	<u>Lam Tai</u>

		Phát	ấm đun nước	2009/BKHCHN		<i>TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Phat\HS05</u>
18	128/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCHN		<i>TT Kỹ thuật TCĐLCL Quảng Trị</i>	<u>Dinh Hung\HS10</u>
19	129/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCHN	x		<u>Dinh Hung\HS11(1)</u>
20	130/TB-TĐC	Cty TNHH MTV Đình Hùng	Nồi cơm điện	QCVN 4: 2009/BKHCHN	x		<u>Dinh Hung\HS12(1)</u>

Biểu số 01.15/KHCNDP-ĐGSPH

**TÌNH HÌNH CHỈ ĐỊNH
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**

Kỳ báo cáo: Năm 2020

(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:

Sở KH&CN Quảng Trị

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên tổ chức đánh giá sự phù hợp	Số Quyết định	Ngày ban hành	Lĩnh vực/ đối tượng	Hình thức		
					Chỉ định lần đầu	Thay đổi, bổ sung	Hủy bỏ hiệu lực/ Giải thể
1	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	0	0	0

**KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM,
HÀNG HÓA TRONG SẢN XUẤT/TRONG NHẬP KHẨU/
TRONG LƯU THÔNG⁹**

Đơn vị báo cáo:
Sở KH&CN Quảng Trị
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

Kỳ báo cáo: Năm 20120

(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)

STT	Chủng loại hàng hóa được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số lượng SPHH được thanh tra, kiểm tra	Hàng hóa vi phạm		Cơ sở vi phạm		Kết quả xử lý
				Số lượng	Giá trị	Số lượt cơ sở vi phạm	Số lượt cơ sở bị xử lý	
1	Đồ chơi trẻ em	36	4.207	1342		36	13	7 cơ sở tiêu hủy 43 sản phẩm mang tính bạo lực; 6 cơ sở vi phạm xử phạt hành chính về nhãn hàng hóa 7.500.000 đồng
2	Mũ bảo hiểm	14	1.078	132		12		
3	Điện điện tử	19	715	173		19		
Tổng		69	6.000	1.647		67	13	

⁹ Kết quả tình hình thanh tra, kiểm tra cần tách thành các Phụ lục riêng đối với từng loại hình thanh tra, kiểm tra (ví dụ: Đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra trong sản xuất thì làm riêng thành một Phụ lục về tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng SPHH trong sản xuất).

CÔNG TÁC QUẢN LÝ XÉT TẶNG
GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
 Kỳ báo cáo: Năm 2019
 (Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:
 Sở KH&CN Quảng Trị
Đơn vị nhận báo cáo:
 Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Cấp Giấy xác nhận (GXN) đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh, thành phố

STT	Tên tổ chức, cá nhân đã được cấp GXN	Địa chỉ, số điện thoại, email	Quyết định cấp GXN	Tên giải thưởng	Thời gian tổ chức xét thưởng
1	0	0	0	0	0
2					
...					

2. Quản lý xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa tổ chức trên địa bàn tỉnh, thành phố

STT	Tên tổ chức, cá nhân tổ chức xét thưởng	Địa chỉ, số điện thoại, email	Quyết định đã được cấp GXN	Tên giải thưởng	Kết quả tổ chức xét thưởng
1	0	0	0	0	0
2					
...					

Biểu số 01.18/KHCNDP-SHTT

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày 14 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 20120)

Đơn vị báo cáo:
Sở KH&CN Quảng Trị
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Công tác đào tạo, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ (SHTT)

STT	Nội dung đào tạo, tuyên truyền	Hình thức đào tạo, tuyên truyền	Đối tượng chính	Cơ quan tổ chức	Số lượt người	Thời gian
1	Tập huấn về quản lý và khai thác nhãn chứng nhận sản phẩm Nước mắm Mỹ Thủy tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Tập huấn	Các hộ sản xuất và kinh doanh nước mắm,	Sở KH&CN	40	6/2020
2	Xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm OCOP tỉnh Quảng Trị	Hướng dẫn	Các chủ thể tham gia OCOP năm 2020	Chi cục Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Trị	45	4/2020
3	Xây dựng chuyên mục KHCN trên Đài PTTH tỉnh Quảng Trị	Chuyên mục truyền hình		Sở KH&CN		9/2020
4	Tuyên truyền về sở hữu trí tuệ trên Đặc san KHCN Quảng Trị, Báo Quảng Trị	Bài báo		Sở KHCN, Báo Quảng Trị		4/2020 - 12/2020

2. Công tác hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp (SHCN)

Đối tượng SHCN	Xác lập quyền SHCN (Số lượt hướng dẫn)	Bảo vệ quyền SHCN		
		Số lượt hướng dẫn	Số vụ được hướng dẫn và đã nộp đơn	Số vụ được giải quyết
Nhãn hiệu	45	5	2	2

Chi dẫn địa lý				
Kiểu dáng công nghiệp				
Sáng chế/giải pháp hữu ích				
Các đối tượng khác (Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, tên thương mại ...)				

3. Công tác hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng dự án, nhiệm vụ về hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ được phê duyệt	Dự án	2	
2	Số SC/GPHI được hỗ trợ bảo hộ, khai thác	Giải pháp		
3	Số sản phẩm đặc thù địa phương được hỗ trợ bảo hộ, quản lý quyền SHTT	Sản phẩm	13	
4	Số lượng tổ chức tập thể được thành lập để quản lý tài sản trí tuệ cộng đồng	Hội, Hiệp hội	4	
5	Số lượt người được tập huấn, đào tạo về SHTT	Lượt người	85	
6	Số lượt doanh nghiệp được hỗ trợ về SHTT	Lượt doanh nghiệp	20	
7	Số lượt phát sóng truyền hình tuyên truyền về SHTT	Lượt phát sóng	6	
8	Tổng số kinh phí chi cho hoạt động SHTT được phê duyệt	Triệu đồng		

1. Ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực y tế

STT	Nội dung	Y học hạt nhân ¹⁰	Xạ trị ¹¹	X-quang, MRI
1	Số cơ sở có ứng dụng			35
2	Số thiết bị			70
3	Số thiết bị được lắp đặt mới trong kỳ báo cáo			07
4	Số bác sỹ			35
5	Số kỹ thuật viên			55
6	Số bệnh nhân được chẩn đoán/điều trị			-
7	Tổng hoạt độ được chất phóng xạ được sử dụng trong kỳ báo cáo (mCi)			-

2. Ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực công nghiệp

STT	Nội dung	Lĩnh vực ứng dụng					Công nghiệp bia nước giải khát, giấy và khác
		Soi an ninh hải quan	Soi bo mạch, linh kiện	Công nghiệp hóa chất, phân bón	Công nghiệp dầu khí	Công nghiệp thép, xi măng	
1	Số cơ sở có ứng dụng	1	0	0	0	0	2
2	Tổng số nguồn phóng xạ kín	1	0	0	0	0	3

¹⁰ Thiết bị y học hạt nhân: SPECT, SPECT/CT, PET/CT, Cyclotron,...

¹¹ Thiết bị xạ trị: xạ trị Co-60, LINAC, HDR, gamma knife, cyber knife.

STT	Nội dung	Lĩnh vực ứng dụng					
		Soi an ninh hải quan	Soi bo mạch, linh kiện	Công nghiệp hóa chất, phân bón	Công nghiệp dầu khí	Công nghiệp thép, xi măng	Công nghiệp bia nước giải khát, giấy và khác
3	Tổng số thiết bị bức xạ	6					3
4	Số thiết bị được lắp đặt mới trong kỳ báo cáo	0	0	0	0	0	0
5	Số nhân viên bức xạ	8	0	0	0	0	8

3. Chiếu xạ công nghiệp

STT	Thiết bị chiếu xạ công nghiệp	Số thiết bị	Khối lượng chiếu xạ trong kỳ báo cáo (tấn/m ³)			
			Hải sản	Trái cây	Chiếu xạ khử trùng y tế	Mặt hàng khác
1	Thiết bị chiếu xạ công nghiệp dùng nguồn Co 60	0	0	0	0	0
2	Thiết bị chiếu xạ công nghiệp dùng máy gia tốc	0	0	0	0	0

Biểu số 01.20/KHCNĐP-ATBX

**CÔNG TÁC QUẢN LÝ
VỀ AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**

Kỳ báo cáo: Năm 2020

(Từ ngày 22 tháng 12 năm 2019 đến ngày 20 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tình hình cấp phép tiến hành công việc bức xạ

STT	Tên cơ sở	Số giấy phép	Ngày cấp	Số lượng nhân viên bức xạ	Số lượng thiết bị X-quang	Số lượng thiết bị PET/CT	Số lượng thiết bị SPECT/CT
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	06/GP-SKHCCN	24/7/2020	10	10	1	2
2	Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh Quảng Trị	11/GP-SKHCCN	19/11/2020	2	2	0	0
3	Bệnh xá Công an tỉnh Quảng Trị	08/GP-SKHCCN	04/9/2020	2	1	0	0
4	Phòng khám chuyên khoa Tâm An	02/GP-SKHCCN	15/01/2020	1	1	0	0
5	Công ty TNHH MTV Hoàng Dũng	03/GP-SKHCCN	15/01/2020	3	1	0	0
6	Phòng khám đa khoa Khải Hoàn	01/GP-SKHCCN	02/01/2020	1	1	0	0
7	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Trị	12/GP-SKHCCN	02/12/2020	2	1	0	0
8	Trung tâm y tế huyện Đakrông	07/GP-SKHCCN	04/9/2020	2	1	0	0
9	Trung tâm y tế huyện Cam Lộ	03/GP-SKHCCN	15/01/2020	2	1	0	0
10	Trung tâm y tế thành phố Đông Hà	05/GP-SKHCCN	13/7/2020	2	1	0	0
11	Phòng khám đa khoa Trường Cao đẳng y tế Quảng Trị	04/GP-SKHCCN	12/5/2020	1	1	0	0
12	Trung tâm y tế huyện Triệu Phong	10/GP-SKHCCN	12/10/2020	3	2	0	0
TỔNG SỐ		10		31	23	1	2

2. Đánh giá tình hình thực hiện quy định của pháp luật về an toàn bức xạ và hạt nhân

Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân: 12

STT	Nội dung đánh giá	Tốt		Chưa tốt		Chưa thực hiện		Ghi chú
		Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	
1	Chấp hành các quy định về khai báo, đề nghị cấp giấy phép	12	100					
2	Bổ nhiệm người phụ trách an toàn theo quy định	12	100					
3	Chấp hành quy định về cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ, đào tạo về an toàn bức xạ	12	100					
4	Theo dõi và đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ	12	100					
5	Khám và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe định kỳ đối với nhân viên bức xạ	12	100					
6	Công tác quản lý hồ sơ về an toàn bức xạ	12	100					
7	Nhật ký vận hành, sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ; sổ theo dõi về sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị bức xạ	12	100					
8	Quy trình tiến hành công việc bức xạ	12	100					
9	Nội quy an toàn bức xạ	12	100					
10	Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ	12	100					
11	Thực hiện các quy định bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ	12	100					
12	Thực hiện kiểm định thiết bị bức xạ, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ, kiểm xạ định kỳ khu vực tiến hành công việc bức xạ	12	100					
13	Dấu hiệu cảnh báo bức xạ	12	100					

STT	Nội dung đánh giá	Tốt		Chưa tốt		Chưa thực hiện		Ghi chú
		Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	Số cơ sở	Tỉ lệ (%)	
14	Kiểm tra đánh giá an toàn việc đối với công việc bức xạ của cơ sở (kiểm tra thực tế của Đoàn thanh tra, kiểm tra)	12	100					
15	Thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và các yêu cầu, kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ	12	100					
16	Thực hiện việc báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ hàng năm và khi được yêu cầu.	6	50	6	50			

**KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA
TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày 15 tháng 12 năm 2019 đến ngày 14 tháng 12 năm 2020)

Đơn vị báo cáo:
Sở KH&CN Quảng Trị
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Lĩnh vực ¹²	Số cuộc thanh tra, kiểm tra			Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Kết quả															Ghi chú					
	Tổng số	Thành lập đoàn	Thanh tra độc lập	Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Số có vi phạm			Số QĐ xử phạt hành chính được ban hành			Số tiền vi phạm			Số tiền kiến nghị thu hồi	Số tiền xử lý tài sản vi phạm			Số tiền xử phạt vi phạm			Số tiền đã thu				
								Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức		Tổng số	Tịch thu (thành tiền)	Tiêu hủy (thành tiền)	Tổng số	Cá nhân		Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17	18=19+20	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27	
	02	02	0	0	0	02	0	02	0	02	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Khuyến cáo, nhắc nhở.

¹² Ghi cụ thể từng lĩnh vực theo thứ tự: Hoạt động KH&CN và chuyển giao công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; sở hữu công nghiệp; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.

